TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2025
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**
Các hội thẩm nhân dân: **Bà Hà Thị Hòa và bà Lê Thị Liên**
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2024/TLST- HNGĐ ngày 18/11/2024 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST- HNGĐ ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm: 1996

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ nơi hiện nay: Thôn T, xã C, huyện X, tỉnh Thanh Hóa *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*;

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/9/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Lê Văn Q đến Uỷ ban nhân dân xã S, huyện X để làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 20/4/2021, trên cơ sở tự nguyện. Đến tháng 05/2021 hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, vào khoảng tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh Q có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng xuyên cãi cọ nhau. Ngoài ra anh Q không chịu khó làm ăn, hay uống rượu chè, không quan tâm đến gia đình, xúc phạm chửi bới chị. Vợ chồng

đã sống ly thân nhau từ tháng 04 năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/3/2019. Vợ chồng ly thân, chị N đi làm ăn, khi về thì về nhà ở với bố mẹ đẻ nên cháu N ở với anh Q, vợ chồng ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh Q nuôi dưỡng để ổn định học tập và sinh hoạt, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản;công nợ: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho anh Lê Văn Q đến Tòa án để làm việc nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 13/10/2024 với chính quyền địa phương thể hiện: Hiện nay anh Lê Văn Q đang có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, anh Lê Văn Q chưa chuyển đi đâu, đang đi làm ăn, không có mặt tại nơi cư trú, hiện nay vẫn trong hộ khẩu của gia đình, anh Q có số định danh cá nhân là 038084039800. Ông Lê Viết N bố đẻ anh Lê Văn Q cho biết, vợ chồng cháu N và cháu Q kết hôn từ năm 2021, thời gian đầu hai cháu sống hạnh phúc cùng gia đình ông, đến năm 2022 thì thấy hai cháu có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cháu N bỏ về ở với bố mẹ đẻ đồng thời cháu N và cháu Q cũng sống ly thân nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Cháu Q có gửi con là Lê Thị Ngọc N cho ông, bà nội để đi làm, thỉnh thoảng về thăm con và thường xuyên liên lạc về cho ông, gửi tiền về cho ông nhờ ông, bà nội chăm sóc cháu Như. Nay cháu N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu N và cháu Q ly hôn, ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về phần cháu Lê Thị Như N, ông đề nghị Tòa án giao cho bố cháu nuôi dưỡng vì hiện nay bố con cháu N đang ở với ông, bà nội việc học tập và sinh hoạt ổn định tại thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Chính quyền địa phương cũng xác nhận, chị N và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào tháng 5 năm 2021, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân thì chính quyền cũng không rõ, chỉ biết chị Nam bỏ về ở với bố mẹ đẻ. Nay biết chị N làm thủ tục ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/3/2019. Hiện cháu N đang ở với bố nên chị N giao cháu N cho anh Lê Văn Q trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản; công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Hà Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chị Hà Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh Lê Văn Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã S, huyện X, nơi cư trú của anh Q nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Mặt khác, chị N làm thủ tục ly hôn anh Q tại Tòa án chị đã thông báo cho anh Q nhưng anh Q không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Ngày 12/02/2025, chị Hà Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Hà Thị N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện X yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Q, anh Q vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị N và anh Lê Văn Q, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị N và anh Q đi làm ăn, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương về hộ khẩu của anh Q và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nam và anh Q trong quá trình chung sống.

Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị N và anh Q đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị N.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 (một) con chung cháu Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/3/2019. Căn cứ vào giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú đủ cơ sở xác định Lê Thị Ngọc N là con chung của chị N và anh Q.

Xét về ý kiến của chị Hà Thị N đồng ý giao cháu N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của ông Lê Viết N (ông nội cháu N) cũng đề nghị Tòa án xem xét cho cháu được ở với bố là Lê Văn Q), Hội đồng xét xử thấy rằng: Để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý, học tập của trẻ, hoàn cảnh sống để tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất, tinh thần của cháu. Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GĐ, giao cháu Lê Thị Ngọc N cho anh Lê Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4].*Về tài sản;công nợ:* Chị Hà Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Hà Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt, Tòa án đã giao, tống đạt niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định. Chị Nam đã thông báo cho anh Q biết về việc chị N làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhưng anh Q vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh Q đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh Lê Văn Q là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí:* Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3; Điều 5; Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N

Về hôn nhân: Chị Hà Thị N được ly hôn anh Lê Văn Q

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 03/3/2019 cho anh Lê Văn Q trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Hà Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị Hà Thị N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số: 0006320 ngày 18/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị N đã nộp án phí.

Buộc chị Hà Thị N phải nộp 300.000đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị N, anh Lê Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Đương sự;
- UBND xã Lương Sơn, h. Thường Xuân;
- Lưu HSVA.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Tâm